TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST Ngày: 11-10-2019 *V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 11/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mã Thị Khánh X, địa chỉ thường trú: Số MB đường số B, khu đô thị C, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: Số HK/HB đường N, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phùng Quốc S, địa chỉ: Số SC đường X, khóm B, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2019 và lời trình bày của bà Mã Thị Khánh X tại phiên tòa thì:

Bà và ông Phùng Quốc S tự nguyện kết hôn ngày 16/4/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã (nay là thành phố) Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung là cháu Phùng Khả V (nữ, sinh

ngày 07/6/2004), cháu Phùng Khả A (nữ, sinh ngày 12/11/2008) và tạo lập được một số tài sản chung, nhưng không có nợ chung.

Sau thời gian chung sống, thì bà X và ông S phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Từ năm 2015 thì ông bà không còn sống chung cho đến nay.

Bà Mã Thị Khánh X yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Phùng Quốc S và giao các cháu Phùng Khả V, Phùng Khả A cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì ông bà tự thỏa thuận, còn nợ chung thì bà X tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Mã Thị Khánh X đã nộp các Trích lục khai sinh của cháu Phùng Khả V, cháu Phùng Khả A; Trích lục kết hôn của bà X và ông Phùng Quốc S.

- Theo ý kiến của cháu Phùng Khả V, cháu Phùng Khả A thì hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha là ông Phùng Quốc S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Phùng Quốc S không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bà Mã Thị Khánh X đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Mã Thị Khánh X yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Phùng Quốc S và ông S cư trú tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Do ông S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông S.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do bà Mã Thị Khánh X cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[3.1] Bà Mã Thị Khánh X và ông Phùng Quốc S xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 16/4/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã (nay là thành phố) Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[3.2] Sau thời gian chung sống thì bà X, ông S phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau; từ năm 2015 đến nay thì ông bà không còn sống chung, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà X được ly hôn với ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

[3.3] Về con chung là 02 cháu Phùng Khả V (nữ, sinh ngày 07/6/2004), Phùng Khả A (nữ, sinh ngày 12/11/2008), nhận thấy các cháu đã sinh sống ổn định với ông S từ nhỏ đến nay tại địa chỉ số SC đường X, khóm B, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; đồng thời 02 cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông S nên Hội đồng xét xử giao các cháu cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.4] Về cấp dưỡng nuôi con, do ông S không yêu cầu bà X thực hiện nghĩa vụ này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.5] Bà X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.6] Về tài sản chung: Bà X cho rằng có tạo lập được một số tài sản trong thời kỳ hôn nhân với ông S, nhưng do bà X không yêu cầu chia nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[3.7] Về nợ chung: Bà Mã Thị Khánh X tự khai không có nên xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị Khánh X:

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mã Thị Khánh X được ly hôn với ông Phùng Quốc S.

1.2/. Về con chung: Giao 02 cháu Phùng Khả V (nữ, sinh ngày 07/6/2004), Phùng Khả A (nữ, sinh ngày 12/11/2008) cho ông Phùng Quốc S trực tiếp nuôi dưỡng; Bà Mã Thị Khánh X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Mã Thị Khánh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Phùng Khả V và cháu Phùng Khả A theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung: Bà Mã Thị Khánh X không yêu cầu chia nên không xem xét, giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Bà Mã Thị Khánh X tự khai không có nên xem xét, giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mã Thị Khánh X phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0007747 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; bà Mã Thị Khánh X đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Bà Mã Thị Khánh X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Phùng Quốc S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương